

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	13 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn theo Quyết định số 103/QĐ – HHVN ngày 15 tháng 03 năm 2013 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100258793 ngày 01 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ: 404.099.500.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	303.122.620.000	75,01
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	45.339.240.000	11,22
Các cổ đông khác	55.637.640.000	13,77
Cộng	404.099.500.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (056) 3 892 363
Fax : (056) 3 891 783
Mã số thuế : 4 1 0 0 2 5 8 7 9 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp xếp dỡ II – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp sửa chữa cơ khí – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp Xây dựng công trình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện văn bản số 1636/BGTVT-QLDN ngày 19/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chỉ đạo Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bán tiếp cổ phần nhà nước tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 747/TTg-DMDN ngày 27/05/2013, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sẽ chuyển nhượng phần vốn đầu tư để giảm tỷ lệ vốn đầu tư từ 75,01% xuống còn 49% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang thực hiện những thủ tục cần thiết để tiến hành chuyển nhượng vốn theo quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	28 tháng 10 năm 2013
Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Minh Tiến	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Trần Hoài Nam	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Phạm Xuân Quốc	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Hồng Thái	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Lê Thị Phê	Trưởng ban	28 tháng 10 năm 2013
Nguyễn Thành Nam	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Văn Sỹ	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Nguyễn Kim Toàn	Quyền Kế toán trưởng	06 tháng 11 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU PHÚC

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 03 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C ACCOUNTING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 018/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Càng Quy Nhơn, được lập ngày 05 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Càng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Hoàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.551.821.551	123.488.467.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.972.749.125	31.674.673.767
1. Tiền	111		6.172.749.125	22.449.433.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.800.000.000	9.225.240.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.200.000.000	15.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	17.200.000.000	15.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.949.849.217	72.434.195.404
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	67.542.251.610	60.607.682.208
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.108.560.025	4.502.808.951
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	8.804.095.792	8.838.305.661
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3.505.058.210)	(1.514.601.416)
IV. Hàng tồn kho	140		6.319.290.122	3.437.966.233
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.319.290.122	3.437.966.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.109.933.087	241.631.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	847.870.171	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	37.538.845
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	158		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	262.062.916	204.092.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.630.317.181	345.489.894.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		283.879.166.653	324.722.936.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	279.560.007.982	319.517.968.022
<i>Nguyên giá</i>	222		842.542.584.719	823.962.471.326
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(562.982.576.737)	(504.444.503.304)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.140.677.942	1.053.489.666
<i>Nguyên giá</i>	228		6.105.184.936	3.242.034.725
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.964.506.994)	(2.188.545.059)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.178.480.729	4.151.478.400
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.075.920.000	19.467.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	27.075.920.000	19.467.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		675.230.528	1.299.038.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	668.030.528	1.296.838.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	7.200.000	2.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		476.182.138.732	468.978.361.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		34.372.091.549	62.272.392.725
I. Nợ ngắn hạn		310		34.372.091.549	62.272.392.725
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.16	3.800.114.693	7.473.631.875
3. Người mua trả tiền trước		313	V.17	1.212.381.251	1.095.671.830
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.18	2.400.149.153	3.980.180.487
5. Phải trả người lao động		315	V.19	9.061.114.548	14.001.030.949
6. Chi phí phải trả		316	V.20	10.836.529.603	13.151.723.816
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.21	4.863.451.918	18.777.097.918
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.22	2.198.350.383	3.793.055.850
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		441.810.047.183	406.705.968.679
I. Vốn chủ sở hữu		410		441.810.047.183	406.705.968.679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.23	404.099.500.000	404.099.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.23	37.710.547.183	2.606.468.679
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		476.182.138.732	468.978.361.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh, phường phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	81.729.332	81.729.332
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.111,33	153.870,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Quyền kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	490.663.104.166	63.265.612.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		866.095.659	412.815.635
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	489.797.008.507	62.852.797.074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	395.387.866.654	52.248.077.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.409.141.853	10.604.719.215
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.446.367.067	89.639.826
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	310.897.920	12.785.437
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.239.965.900	1.850.892.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	42.660.349.834	5.411.229.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.644.295.266	3.419.451.819
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.615.484.885	821.476.400
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.442.338.368	765.636.648
13. Lợi nhuận khác	40		2.173.146.517	55.839.752
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.817.441.783	3.475.291.571
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	9.713.363.279	868.822.893
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>35.104.078.504</u>	<u>2.606.468.678</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>869</u>	<u>64</u>

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2015


Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Quyền kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.817.441.783	3.475.291.571
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	60.056.547.009	9.819.421.651
- Các khoản dự phòng	03	V.6	1.990.456.794	1.514.601.416
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,4	(83.373.396)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.250.590.420)	23.649.502
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		102.530.481.770	14.832.964.140
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.607.785.673)	(287.564.079)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(2.881.323.889)	259.353.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.320.713.910)	(18.559.184.357)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		174.335.509	371.902.917
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(8.698.245.078)	(421.174.469)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		291.911.199	27.863.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.960.016.666)	(248.978.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.528.643.262	(4.024.816.425)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.612.699.441)	(2.935.263.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	310.130.909	2.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(11.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.2	7.608.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(7.608.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.574.387.765	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.228.180.767)	(2.933.163.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		32.300.462.495	(6.957.979.825)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.674.673.767	38.632.653.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.387.137)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	63.972.749.125	31.674.673.767


Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu



Nguyễn Kim Toàn
Quyển kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.
- Nhân viên:**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 831 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 821 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 - 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.082 VND/USD
31/12/2014: 21.370 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh - Phường phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	567.425.955	436.624.527
Tiền gửi ngân hàng	5.605.323.170	22.012.809.240
Các khoản tương đương tiền	57.800.000.000	9.225.240.000
Cộng	<u>63.972.749.125</u>	<u>31.674.673.767</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	17.200.000.000	5.700.000.000
Cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vay	-	10.000.000.000
Cộng	<u>17.200.000.000</u>	<u>15.700.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Công ty	42.613.906.918	36.777.518.887
Khách hàng tại Xí nghiệp Dịch vụ	24.410.861.452	22.955.453.096
Khách hàng tại Xí nghiệp Công trình	-	499.353.665
Khách hàng tại Xí nghiệp Cơ khí	517.483.240	375.356.560
Cộng	<u>67.542.251.610</u>	<u>60.607.682.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Công ty	2.490.504.025	3.262.808.951
Khách hàng tại Xi nghiệp dịch vụ	618.056.000	1.240.000.000
Cộng	<u>3.108.560.025</u>	<u>4.502.808.951</u>

5. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cổ phần hóa	-	6.639.604.160
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - tiền gốc và lãi vay	4.348.333.334	2.115.555.556
Doanh thu chưa phát hành hóa đơn	3.997.406.369	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	372.595.556	-
Các khoản phải thu khác	85.760.533	83.145.945
Cộng	<u>8.804.095.792</u>	<u>8.838.305.661</u>

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	3.505.058.210	1.514.601.416
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.271.040.528	225.439.562
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	898.568.534	622.761.885
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	546.071.974	179.141.755
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	789.377.174	487.258.214
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>3.505.058.210</u>	<u>1.514.601.416</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.514.601.416	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.990.456.794	1.514.601.416
Số cuối năm	<u>3.505.058.210</u>	<u>1.514.601.416</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.173.224.879	2.558.037.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	705.221.104	466.228.855
Hàng hóa	440.844.139	413.700.177
Cộng	<u>6.319.290.122</u>	<u>3.437.966.233</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	488.882.705	-
Chi phí khác	358.987.466	-
Cộng	847.870.171	-

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	74.062.916	84.492.916
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	188.000.000	119.600.000
Cộng	262.062.916	204.092.916

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	526.133.116.996	8.031.991.796	287.701.802.279	2.095.560.255	823.962.471.326
Tăng trong năm	12.425.893.661	3.663.532.338	3.587.698.802	-	19.677.124.801
<i>Mua sắm mới</i>	-	2.352.681.818	3.233.542.480	-	5.586.224.298
<i>Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	12.425.893.661	1.310.850.520	354.156.322	-	14.090.900.503
Giảm trong năm	(103.798.865)	(204.215.408)	(335.801.190)	(453.195.945)	(1.097.011.408)
<i>Phân loại sang CCDC</i>	(103.798.865)	(204.215.408)	(205.325.000)	(453.195.945)	(966.535.218)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(130.476.190)	-	(130.476.190)
Số cuối năm	538.455.211.792	11.491.308.726	290.953.699.891	1.642.364.310	842.542.584.719
<i>Trong đó:</i>					
Dã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-	578.354.905	578.354.905
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	339.263.700.455	4.173.190.943	159.695.309.951	1.312.301.955	504.444.503.304
Khấu hao trong năm	34.947.155.025	977.108.095	23.092.872.685	267.981.571	59.285.117.376
Giảm trong năm	(57.978.721)	(96.564.526)	(146.026.266)	(296.401.507)	(747.043.943)
<i>Phân loại sang CCDC</i>	(57.978.721)	(96.564.526)	(146.026.266)	(296.401.507)	(596.971.020)
<i>Phân loại sang TSCĐ vô hình</i>	-	(26.120.543)	-	-	(26.120.543)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(123.952.380)	-	(123.952.380)
Số cuối năm	374.152.876.759	5.053.734.512	182.642.156.370	1.283.882.019	562.982.576.737
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	186.869.416.541	3.858.800.853	128.006.492.328	783.258.300	319.517.968.022
Số cuối năm	164.302.335.033	6.437.574.214	108.311.543.521	358.482.291	279.560.007.982
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.242.034.725	2.188.545.059	1.053.489.666
Mua sắm trong năm	1.917.450.000	-	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành	991.122.311	-	-
Khấu hao trong năm	-	771.429.633	-
Phân loại từ TSCĐ hữu hình	-	26.120.543	-
Phân loại sang CCDC	(45.422.100)	(21.588.241)	-
Số cuối năm	6.105.184.936	2.964.506.994	3.140.677.942

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.216.215.000	5.119.650.571	(5.976.401.571)	-	359.464.000
XDCB dở dang	2.750.537.748	13.044.961.347	(14.897.297.162)	(79.185.204)	819.016.729
- Công trình đường nội bộ, bãi hàng, bãi công nghệ (giai đoạn 2)	-	4.725.614.180	(3.992.170.543)	-	733.443.637
- Công trình cải tạo nâng cấp mở rộng kho 6	1.827.797.273	2.493.483.637	(4.321.280.910)	-	-
- Bãi chứa hàng container lạnh	922.740.475	-	(922.740.475)	-	-
- Bãi bê tông sau văn phòng trung tâm	-	1.439.321.818	(1.439.321.818)	-	-
- Bãi container sắt văn phòng trung tâm ĐĐKT	-	1.036.205.454	(1.036.205.454)	-	-
- Hệ thống điện lưới container kho lạnh	-	949.919.918	(949.919.918)	-	-
- Nền bãi sau kho CFS	-	135.632.664	(135.632.664)	-	-
- Đường dốc kho 11 và mương thoát nước	-	84.581.934	(84.581.934)	-	-
- Gia công băng tải cao su	-	284.240.040	(284.240.040)	-	-
- Các công trình khác	-	1.895.961.702	(1.731.203.406)	(79.185.204)	85.573.092
Sửa chữa lớn tài sản cố định	184.725.652	-	(184.725.652)	-	-
Cộng	4.151.478.400	18.164.611.918	(21.058.424.385)	(79.185.204)	1.178.480.729

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Dầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	146.792	1.467.920.000	174.655	1.467.920.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	240.000	7.608.000.000	-	-
Cộng	2.186.792	27.075.920.000	1.974.655	19.467.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	503.281.781	598.461.094	(773.807.933)	327.934.942
Lợi thế kinh doanh	793.556.370	-	(453.460.784)	340.095.586
Cộng	1.296.838.151	598.461.094	(1.227.268.717)	668.030.528

15. Tài sản dài hạn khác Ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	276.473.845	4.206.158.238
Phải trả người bán tại Xi nghiệp dịch vụ	3.523.640.848	2.983.172.675
Phải trả người bán Xi nghiệp công trình	-	130.537.000
Phải trả người bán tại Xi nghiệp cơ khí	-	153.763.962
Cộng	3.800.114.693	7.473.631.875

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng tại Văn phòng	1.169.533.127	1.053.073.706
Khách hàng tại Xi nghiệp dịch vụ	42.848.124	42.598.124
Cộng	1.212.381.251	1.095.671.830

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	661.941.069	12.497.453.355	(12.974.250.470)	185.143.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp	870.971.916	9.713.363.279	(8.698.245.078)	1.886.090.117
Thuế thu nhập cá nhân	(37.538.845)	5.268.902.428	(4.902.448.501)	328.915.082
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	126.990.136	(126.990.136)	-
Tiền thuê đất	2.440.287.597	1.445.794.144	(3.886.081.741)	-
Các loại thuế khác	6.979.905	6.000.000	(12.979.905)	-
Cộng	3.942.641.642	29.058.503.342	(30.600.995.831)	2.400.149.153

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Các dịch vụ phục vụ cho tàu vận tải quốc tế	0%
Dịch vụ cấp nước	5%
Dịch vụ hàng hải, bốc xếp, cho thuê kho thuê bãi, cẩu, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.817.441.783	3.475.291.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(665.790.513)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	390.577.035	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.056.367.548)	-
Thu nhập tính thuế	44.151.651.270	3.475.291.571
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.713.363.279	868.822.893

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng như sau:

<u>Quyết định số</u>	<u>Diện tích (m²)</u>
3558/QĐ-UB	209.970,40
3558/QĐ-UB	3.923,20
4090/QĐ-UB	29.116,50
4090/QĐ-UB	6.858,60
397/QĐ-UBND	38.824,40
Cộng	288.693,10

Ngoài ra Công ty còn được giảm 50% tiền thuê đất theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Là số dư quỹ lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	10.793.193.603	11.150.255.762
Chi phí thuê thùng	-	1.084.286.864
Chi phí khác	43.336.000	917.181.190
Cộng	10.836.529.603	13.151.723.816

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	238.925.587	84.173.307
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	339.597.214	307.559.544
Phải trả về cổ phần hóa	-	11.558.745.684
Thuế TNCN tạm thu nhân viên	4.281.929.116	6.826.619.383
Phải trả khác	3.000.001	-
Cộng	4.863.451.918	18.777.097.918

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (liếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.395.820.762	28.000.000	(660.846.666)	1.762.974.096
Quỹ phúc lợi	1.397.235.088	24.951.199	(986.810.000)	435.376.287
Cộng	3.793.055.850	52.951.199	(1.647.656.666)	2.198.350.383

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Số nhận bản giao	404.099.500.000	-	404.099.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.606.468.678	2.606.468.678
Tăng khác		1	1
Số dư cuối năm trước	404.099.500.000	2.606.468.679	406.705.968.679
Số đầu năm	404.099.500.000	2.606.468.679	406.705.968.679
Lợi nhuận tăng trong năm	-	35.104.078.504	35.104.078.504
Số dư cuối năm nay	404.099.500.000	37.710.547.183	441.810.047.183

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	303.122.620.000	75,01
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	45.339.240.000	11,22
Các cổ đông khác	55.637.640.000	13,77
Cộng	404.099.500.000	100,00

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Là tài sản cố định không dùng, chờ bản giao cho chủ sở hữu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 03 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	490.663.104.166	63.265.612.709
- Doanh thu bán hàng hóa	41.620.994.929	5.228.227.994
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	449.042.109.237	58.037.384.715
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(866.095.659)	(412.815.635)
- Chiết khấu thương mại	(73.729.144)	-
- Hàng bán bị trả lại	(792.366.515)	(412.815.635)
Doanh thu thuần	<u>489.797.008.507</u>	<u>62.852.797.074</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	41.620.994.929	5.228.227.994
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	448.176.013.578	57.624.569.080

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	51.329.293.474	5.369.449.362
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	344.058.573.180	46.878.628.497
Cộng	<u>395.387.866.654</u>	<u>52.248.077.859</u>

(*) Chi tiết chi phí sản xuất hoạt động dịch vụ đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	30.109.510.989	5.992.224.390
Chi phí nhân công	106.080.794.996	11.482.021.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.139.659.487	9.445.365.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.434.890.627	19.915.343.841
Chi phí khác	293.717.081	43.673.437
Cộng	<u>344.058.573.180</u>	<u>46.878.628.497</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.890.615.773	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	160.146.793	473.159
Lãi cho vay	7.777.778	89.166.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.056.367.548	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	245.698.642	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	85.760.533	-
Cộng	<u>4.446.367.067</u>	<u>89.639.826</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi mua hàng trả chậm	277.319.747	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.191.036	12.785.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.387.137	-
Cộng	<u>310.897.920</u>	<u>12.785.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.852.385.163	768.475.683
Chi phí hàng tiền khác	4.387.580.737	1.082.416.375
Cộng	<u>13.239.965.900</u>	<u>1.850.892.058</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.608.714.932	1.863.616.130
Chi phí vật liệu, công cụ	2.851.947.454	669.751.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.887.522	374.056.237
Thuế phi, lệ phí	1.464.256.144	-
Chi phí dự phòng	1.990.456.794	1.514.601.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.543.783.712	877.489.460
Chi phí bằng tiền khác	1.284.303.276	111.715.409
Cộng	<u>42.660.349.834</u>	<u>5.411.229.727</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản	310.130.909	153.918.182
Thu nhượng bán vật tư, phế liệu thu hồi	96.485.454	-
Thu tiền điện, nước	751.082.982	113.182.609
Thưởng giải phóng tàu nhanh	1.486.527.004	88.348.637
Thu nhập khác	971.258.536	466.026.972
Cộng	<u>3.615.484.885</u>	<u>821.476.400</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	6.523.810	114.916.169
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	151.818.182
Các khoản phạt chậm nộp thuế	61.059.658	-
Chi thưởng giải phóng tàu nhanh	515.000.000	-
Chi phí khác	859.754.900	498.902.297
Cộng	<u>1.442.338.368</u>	<u>765.636.648</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.104.078.504	2.606.468.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.104.078.504	2.606.468.678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.409.950	40.409.950
Cộng	<u>869</u>	<u>65</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	40.409.950	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	40.409.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.409.950	40.909.950

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.961.458.443	6.661.975.465
Chi phí nhân công	141.541.895.091	13.345.637.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.056.547.009	9.819.421.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.978.674.339	20.792.833.301
Chi phí khác	9.420.314.032	1.669.990.262
Cộng	399.958.888.914	52.289.858.224

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện văn bản số 1636/BGTVT-QLDN ngày 19/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chỉ đạo Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bán tiếp cổ phần nhà nước tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 747/TTg-DMDN ngày 27/05/2013, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sẽ chuyển nhượng phần vốn đầu tư để giảm tỷ lệ vốn đầu tư từ 75,01% xuống còn 49% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang thực hiện những thủ tục cần thiết để tiến hành chuyển nhượng vốn theo quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm nay là 2.093.010.441 VND (năm trước là 390.000.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ - nắm giữ 75,01% vốn điều lệ Công ty
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Góp vốn đầu tư với tỷ lệ góp vốn là 16,8%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Tổng Công ty thanh toán tiền gốc vay	7.608.000.000	-
Lãi tiền cho vay	7.777.778	89.166.667
Cần trừ công nợ tiền lãi vay với Công ty	167.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Phải trả giá trị khối lượng khai thác cầu cảng	27.263.997.800	1.031.520.556
Thu nhập phát sinh từ tiền điện thấp sáng, thuê mặt bằng	157.194.583	9.316.535
Phải trả tiền lưu bãi, thuê mặt bằng cầu cảng phát sinh trong năm	-	1.904.538.036
Cổ tức được chỉ trả	1.056.367.548	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam		
Phải thu tiền gốc vay (xem thuyết minh V.5)	2.392.000.000	10.000.000.000
Phải thu lãi tiền vay (xem thuyết minh V.5)	1.956.333.334	2.115.555.556
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Phải thu tiền điện thấp sáng, thuê mặt bằng	14.177.691	10.248.189
Cộng nợ phải thu	4.362.511.025	12.125.803.745
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	167.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Phải trả tiền thuê bãi	-	1.846.731.874
Cộng nợ phải trả	-	2.013.731.874

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho chủ sở hữu là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.972.749.125	-	-	-	63.972.749.125
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.200.000.000	-	-	-	17.200.000.000
Phải thu khách hàng	59.938.832.788	-	-	7.603.418.822	67.542.251.610
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	8.999.295.792	-	-	-	8.999.295.792
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	27.075.920.000	-	-	-	27.075.920.000
Cộng	177.186.797.705	-	-	7.603.418.822	184.790.216.527
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.674.673.767	-	-	-	31.674.673.767
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.700.000.000	-	-	-	5.700.000.000
Phải thu khách hàng	57.872.818.226	-	-	2.734.863.982	60.607.682.208
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.960.105.661	-	-	-	8.960.105.661
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.467.920.000	-	-	-	19.467.920.000
Cộng	133.675.517.654	-	-	2.734.863.982	136.410.381.636

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn từ 1 năm trở xuống như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	3.800.114.693	7.473.631.875
Các khoản phải trả khác	10.839.529.604	24.710.469.500
Cộng	14.639.644.297	32.184.101.375

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.111,33	153.870,53
Phải thu khách hàng	601.805,49	720.062,03
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	602.916,82	873.932,56

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.972.749.125	-	31.674.673.767	-	63.972.749.125	31.674.673.767
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.200.000.000	-	5.700.000.000	-	17.200.000.000	5.700.000.000
Phải thu khách hàng	67.542.251.610	(3.505.058.210)	60.607.682.208	(1.514.601.416)	64.037.193.400	59.093.080.792
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.999.295.792	-	8.960.105.661	-	8.999.295.792	8.960.105.661
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	27.075.920.000	-	19.467.920.000	-	27.075.920.000	19.467.920.000
Cộng	184.790.216.527	(3.505.058.210)	136.410.381.636	(1.514.601.416)	181.285.158.317	134.895.780.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 Đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.800.114.693	7.473.631.875	3.800.114.693	7.473.631.875
Các khoản phải trả khác	10.839.529.604	24.710.469.500	10.839.529.604	24.710.469.500
Cộng	14.639.644.297	32.184.101.375	14.639.644.297	32.184.101.375

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Thông tin so sánh

Số liệu ở cột năm trước trên Bảng kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp chỉ phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/11/2013 đến ngày 31/12/2013 nên không có tính so sánh cùng kỳ với cột số liệu năm nay.

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc